TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ** Bản án số: 226/2022/DS-ST Ngày 14/10/2022 V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Văng Thị Ngọc Yến**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Lệ Hằng**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Võ An Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 15 tháng 9 và ngày 13, 14 tháng 10 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 68/2022/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2022 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số 586/2022/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Phạm Hữu P**, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: Số A, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Mai Công N**, sinh năm: 1962 (Theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2021).

Địa chỉ: Số X, đường số Z, khu dân cư A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Ông **Đàm Văn Q**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Số A, đường T, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Đoan T**, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ.

(Ông Mai Công N và ông Đàm Văn Q có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 và quá trình tố tụng, ông Mai Công N người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Hữu P trình bày và yêu cầu:

Vào ngày 02/6/2021, ông Đàm Văn Q có vay của ông Phạm Hữu P số tiền 339.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Ông Q hẹn 01 tháng sẽ trả lại cho ông P, tuy nhiên đến nay ông Q vẫn không trả nên ông P khởi kiện yêu cầu ông Q trả lại cho ông P số tiền vay 339.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2021 đến ngày 02/01/2022 với lãi suất 2,5%/tháng (Tiền lãi tính tròn 06 tháng với số tiền là 50.880.000 đồng).

- *Bị đơn ông Đàm Văn Q trình bày:* Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Phạm Hữu P vì ông không vay tiền của ông P. Tuy nhiên, ông thừa nhận có giữ của ông P số tiền 339.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng). Đây là tiền bán máy móc, trang thiết bị của ông và ông P khi hai người hợp tác làm ăn chung. Ông và ông P đã thỏa thuận ông giữ lại số tiền trên, khi nào ông P trình bày được những khoản thu chi từ việc mua bán tài sản thì ông sẽ trả lại số tiền này cho ông P.

- *Tại biên bản làm việc ngày 06/10/2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị L trình bày:* Ngày 31/7/2022, bà có nhận của ông Đàm Văn Q số tiền 150.200.000 đồng theo "Bản tổng hợp thu chi bộ cần cẩu Q + P" do ông Q lập. Đây là số tiền ông Q chia lại cho ông P từ tiền bán bộ cần cẩu, sà lan cho ông Lê Văn Tuệ, sau khi trừ đi các khoản chi phí. Tuy nhiên, sau đó bà và ông P đối chiếu lại thì nhận thấy các khoản chi phí mà ông Q nêu ra là chưa hợp lý nên ngày 01/8/2022 bà mang tiền đến trả cho ông Q nhưng ông Q không trả biên nhận lại cho bà. Khi bà mang tiền đến trả cho ông Q có vợ của ông Q là bà Nguyễn Thị Đoan T chứng kiến và ký biên bản xác nhận. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P, bà không có ý kiến do bà không liên quan đến việc vay mượn này. Đồng thời, bà yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án.

- *Tại biên bản làm việc ngày 06/10/2022, người làm chứng bà Nguyễn Thị Đ Trang trình bày:* Ngày 01/8/2022, bà có chứng kiến việc bà Nguyễn Thị L mang số tiền 150.200.000 đồng đến thương lượng trả lại cho ông Đàm Văn Q do hai bên tính toán các khoản chi phí chưa hợp lý. Sau đó, do bà có việc đi ra ngoài nên không biết ông Q có nhận lại số tiền này hay không. Tuy nhiên, sau đó bà hỏi lại ông Q thì ông Q cho biết ông không nhận lại số tiền 150.200.000 đồng. Theo bà được biết thì đây là tiền mà ông Q và ông P cùng làm ăn chung với nhau. Bà không tham gia vào việc làm ăn của hai ông nên không được rõ. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông P về việc buộc ông Q trả số tiền vay 339.200.000 đồng bà không có ý kiến do bà không liên quan đến việc vay tiền này. Đồng thời, bà yêu cầu không tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận số tiền 339.200.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 02/6/2021 là số tiền ông Đàm Văn Q giữ lại của ông Phạm Hữu P khi hai bên hợp tác làm ăn chung như ông Q đã trình bày. Do

vậy, ông P yêu cầu ông Q trả lại số tiền nêu trên cho ông P; ông P không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này.

Bị đơn ông Đàm Văn Q trình bày: Số tiền 339.200.000 đồng theo Biên nhận nợ ngày 02/6/2021 là số tiền ông giữ lại từ việc hợp tác làm ăn chung giữa ông và ông Phạm Hữu P, cụ thể là việc mua bán bộ cần cẩu, sà lan cho ông Lê Văn Tuệ (Theo biên bản mua bán ngày 02/6/2021). Vào ngày 31/7/2022, ông đã đến gặp bà Nguyễn Thị L (vợ của ông P) để tính toán lại các khoản chi phí từ việc mua bán máy móc, trang thiết bị giữa ông và ông P (được thể hiện qua nội dung bảng tổng hợp thu chi bộ cần cẩu Q + P), theo đó, ông bà thống nhất số tiền ông giữ lại là 339.200.000 đồng trừ đi các khoản chi phí là 189.000.000 đồng, số tiền ông phải đưa lại cho ông P là 150.200.000 đồng; bà Nguyễn Thị L đã đồng ý nhận lại số tiền này. Do đây không phải là số tiền ông vay của ông P nên ông không đồng ý với yêu cầu của ông P về việc buộc ông trả số tiền vay 339.200.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/6/2021. Tuy nhiên, ông đồng ý trả lại cho ông P số tiền 339.200.000 đồng với điều kiện ông P phải trình bày được các khoản thu, chi từ việc mua bán máy móc, trang thiết bị giữa ông và ông P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải Q*: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Phạm Hữu P khởi kiện yêu cầu ông Đàm Văn Q trả lại cho ông số tiền vay 339.200.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 2,5%/tháng theo Biên nhận nợ ngày 02/6/2022. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 339.200.000 đồng mà bị đơn đã giữ của nguyên đơn. Đây là quan hệ pháp luật về đòi lại tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do bị đơn ông Đàm Văn Q cư trú tại số A, đường N, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*:

Quá trình xét xử, Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đoan T theo quy định điểm c khoản 1 Điều 259 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên, bà đã có lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 229 Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 339.200.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên chấp nhận.

[3] *Về nội dung:* Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận: Số tiền 339.200.000 đồng theo Biên nhận nợ đề ngày 02/6/2021 là số tiền ông Đàm Văn Q giữ lại của ông Phạm Hữu P. Đây là số tiền ông Phạm Hữu P được chia từ việc hợp tác làm ăn chung giữa ông P và ông Q, cụ thể là việc mua bán bộ cần cẩu, sà lan cho ông Lê Văn Tuệ (Theo biên bản mua bán ngày 02/6/2021). Đồng thời, ông Đàm Văn Q đồng ý trả lại cho ông Phạm Hữu P số tiền 339.200.000 đồng này nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với ý kiến của ông Q về việc yêu cầu ông P giải trình những khoản thu, chi từ việc hợp tác làm ăn chung và cấn trừ các khoản chi phí mà ông P đã kê chưa hợp lý lại cho ông, do ông P không đồng ý và trong quá trình giải Q vụ án ông Q không yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

Đối với số tiền 150.200.000 đồng mà ông Q trình bày đã giao cho bà Nguyễn Thị L (vợ của ông P), không thuộc phạm vi giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Nếu các bên có tranh chấp về các mối quan hệ này thì các bên được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 229, Điều 244, Điều 259, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điểm 26 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hữu P.

Buộc ông Đàm Văn Q trả lại cho ông Phạm Hữu P số tiền 339.200.000 đồng (Ba trăm ba mươi chín triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đàm Văn Q phải chịu 16.960.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
-TAND TP.CT;
-VKSND TP.CT;
- VKSND.Q.NK;
- Chi cục THADS Q.NK;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Văng Thị Ngọc Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Thu **Đỗ Thị Lệ Hằng** **Văng Thị Ngọc Yến**